CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cảng Quy Nhơn

Ngày 31/12/2025	29,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**-6.4%**	**-9.2%**

DT thuần
Q4/25
302
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -0.4%
YoY: ▲ 47.0| 18.3%

LN thuần
Q4/25
53.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.2| 23.7%
YoY: ▲ 19.3| 56.9%

LN sau thuế
Q4/25
42.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.20| 20.5%
YoY: ▲ 14.8| 53.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
17.2%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE
2025
15.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

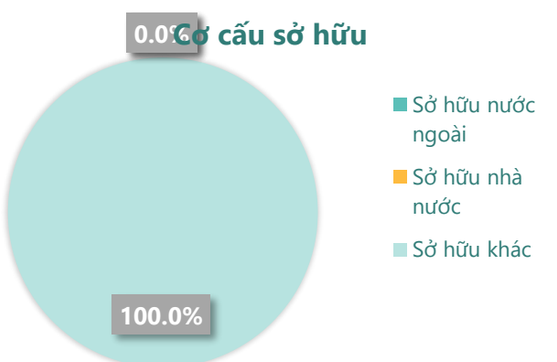
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,400 - 36,295
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,180
Số lượng CPLH (CP)	40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,730
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.23
EPS	3,530
P/E	8.3

DT thuần
2025
1,135
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -1.9%

LN thuần
2025
178
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 8.5%

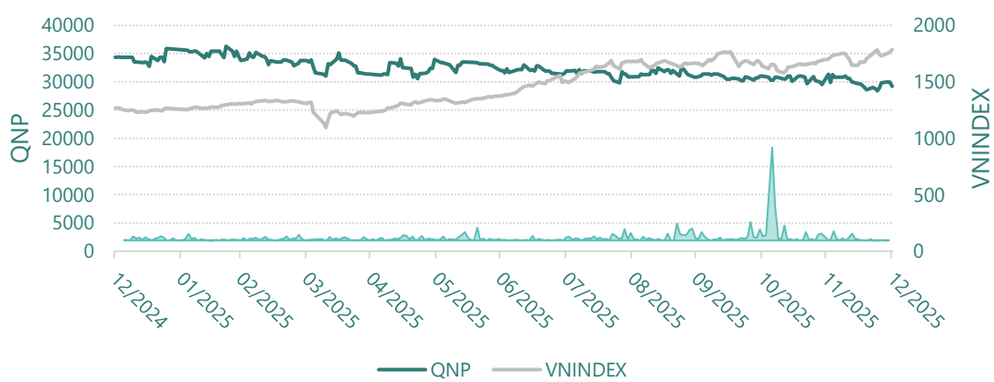
LN sau thuế
2025
143
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0| 11.3%

Cơ cấu sở hữu

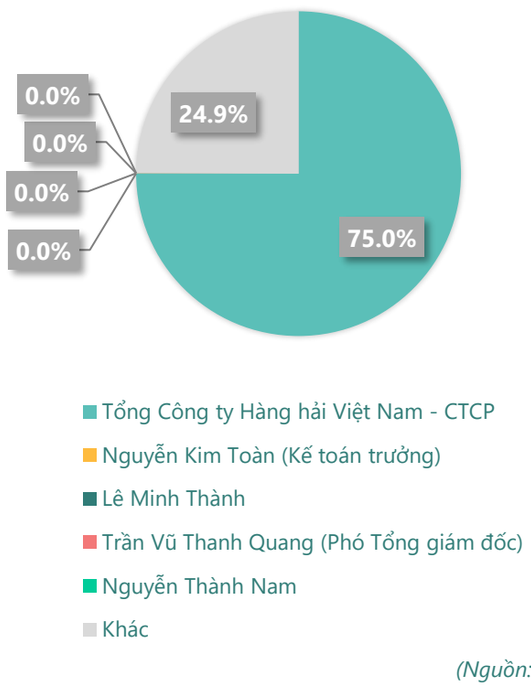


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



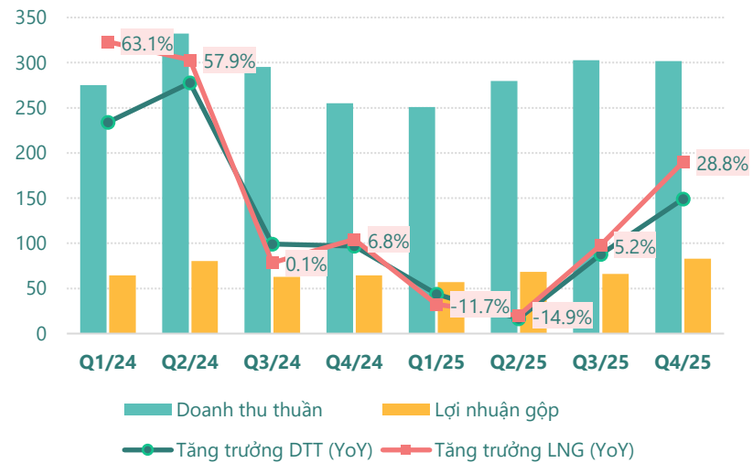
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

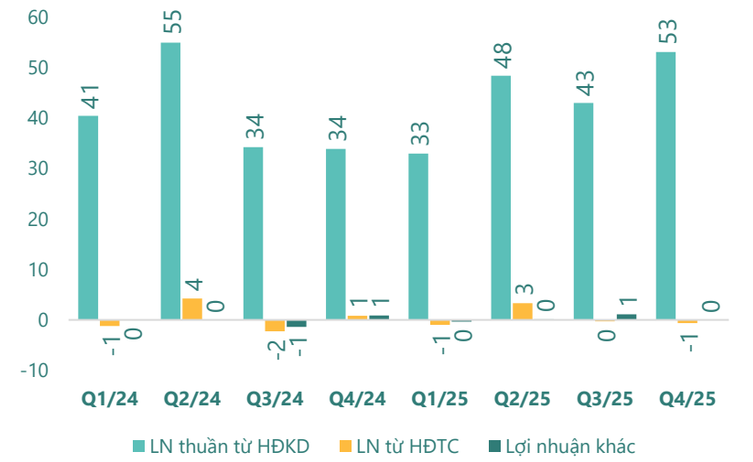
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



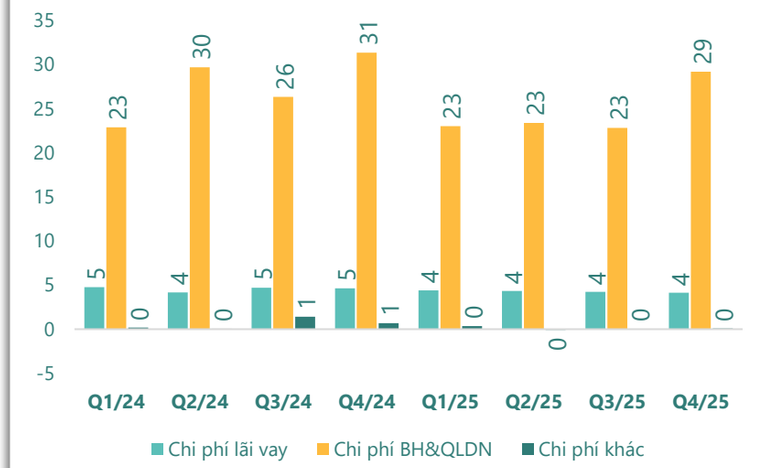
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



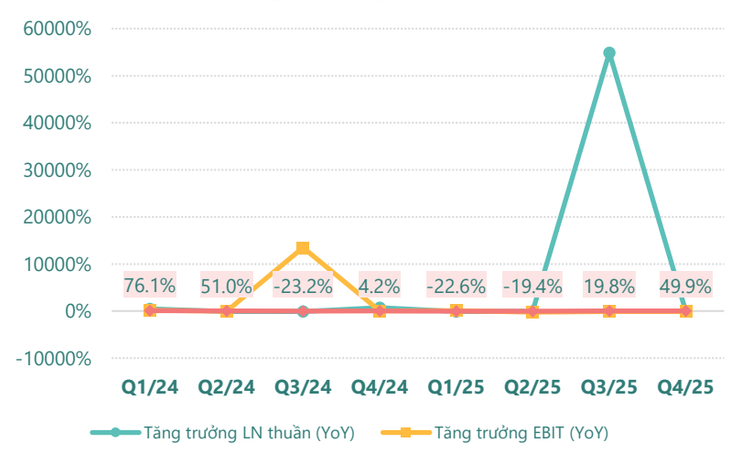
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



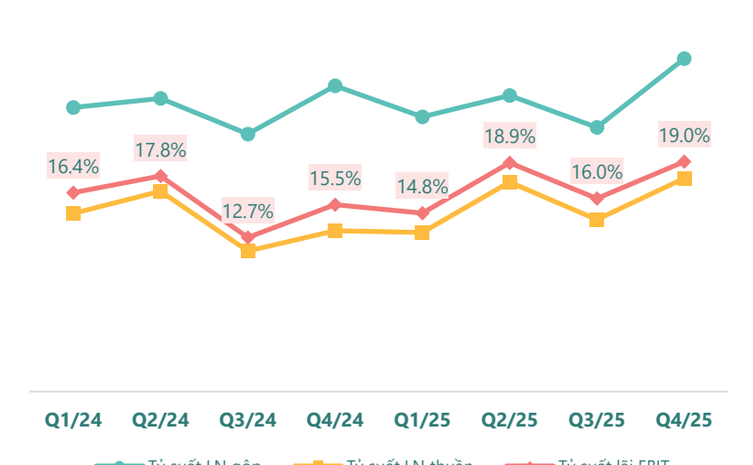
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



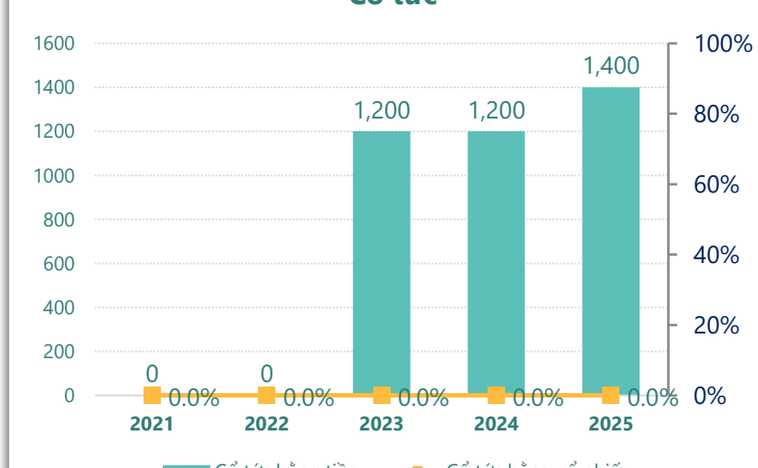
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

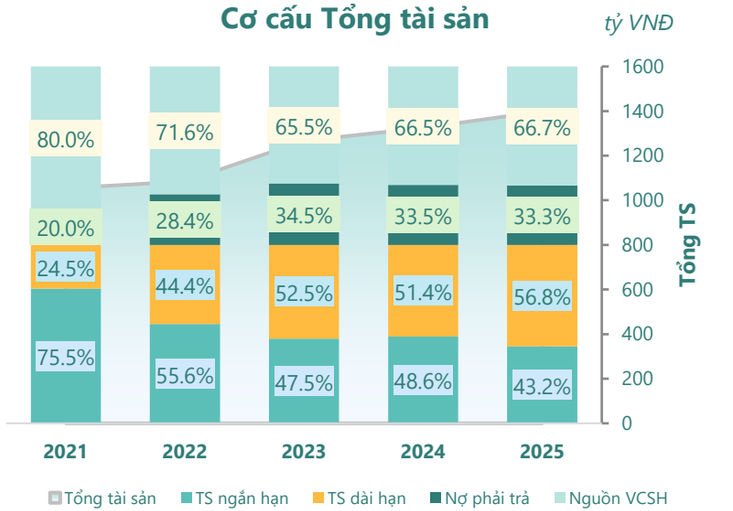
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

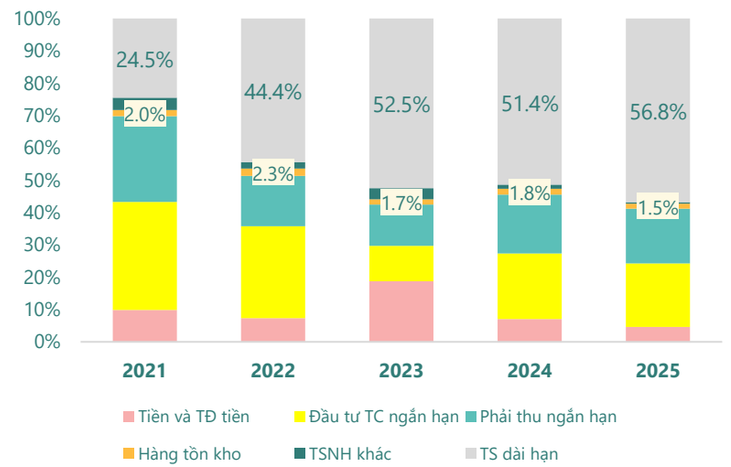
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



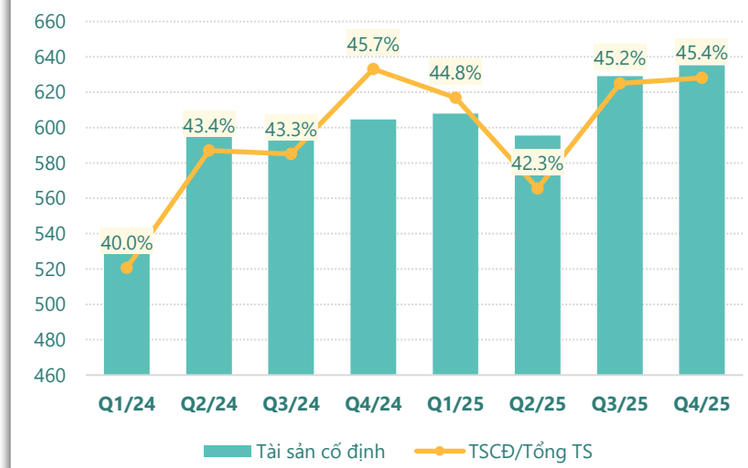
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



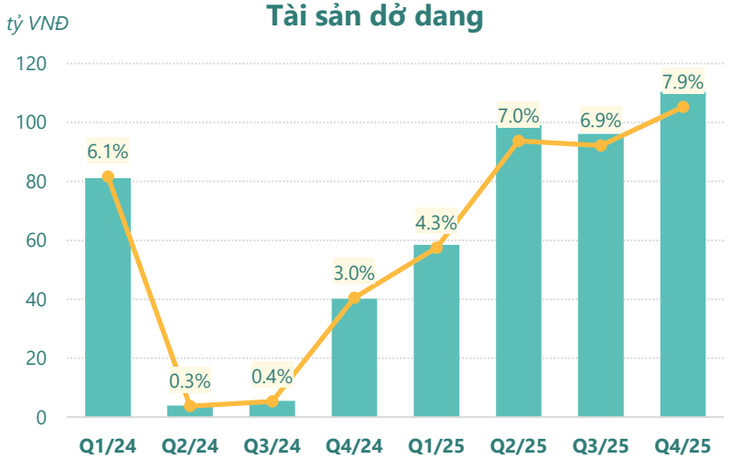
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



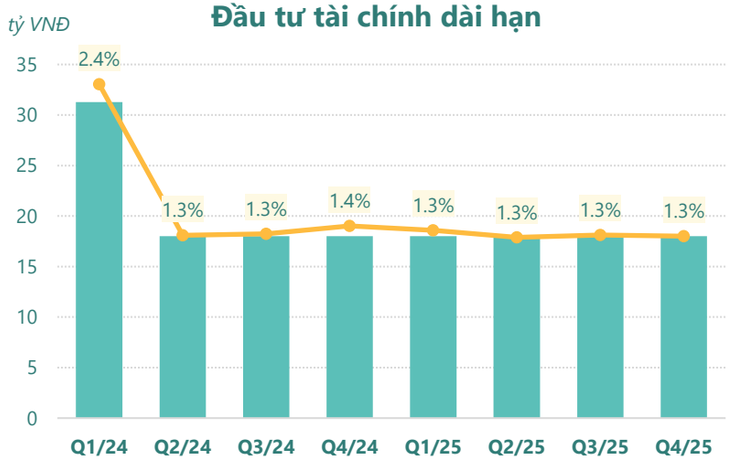
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



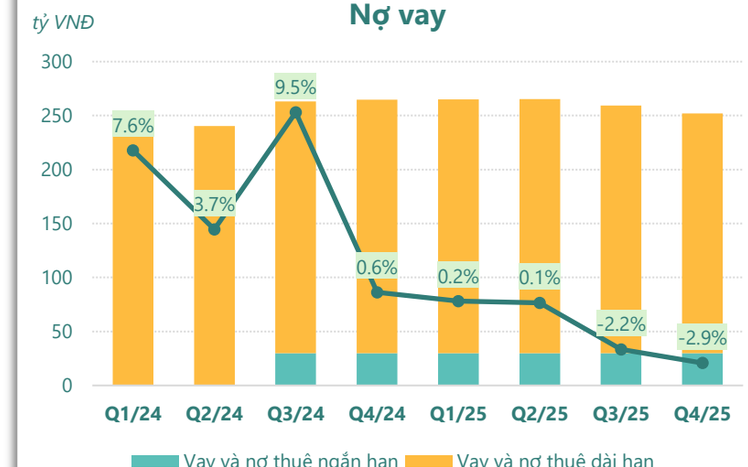
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

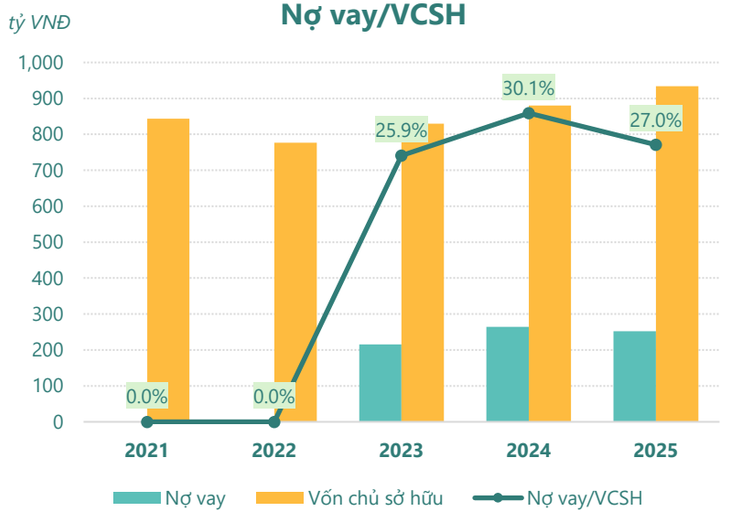
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

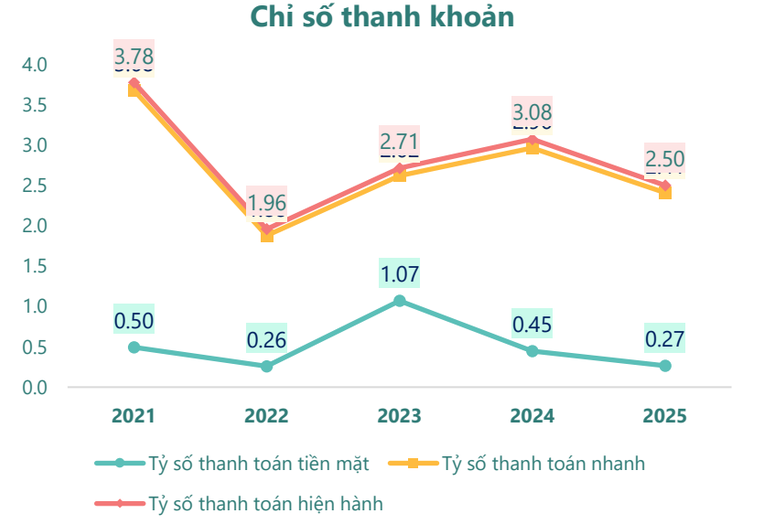
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



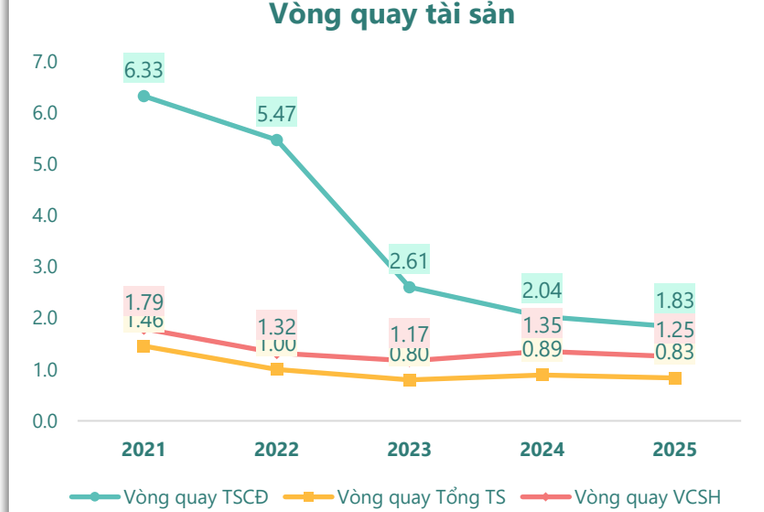
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



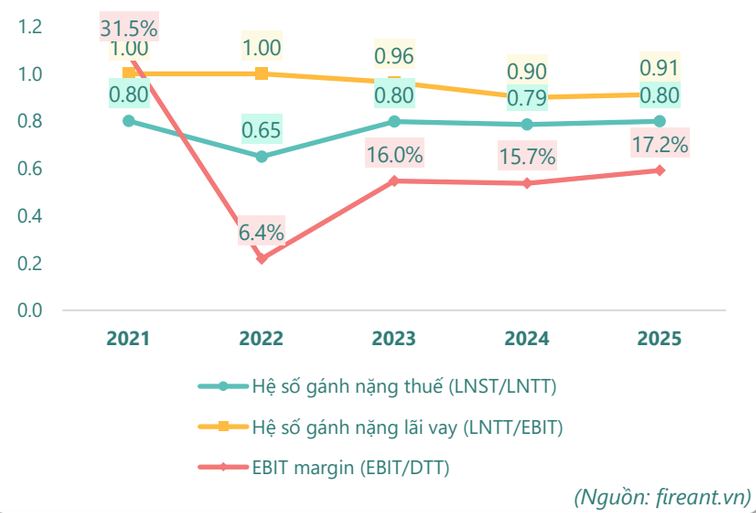
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



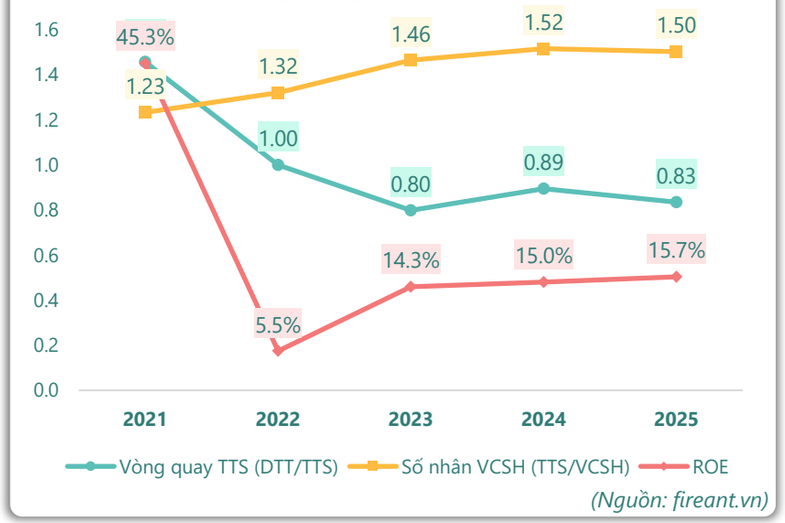
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



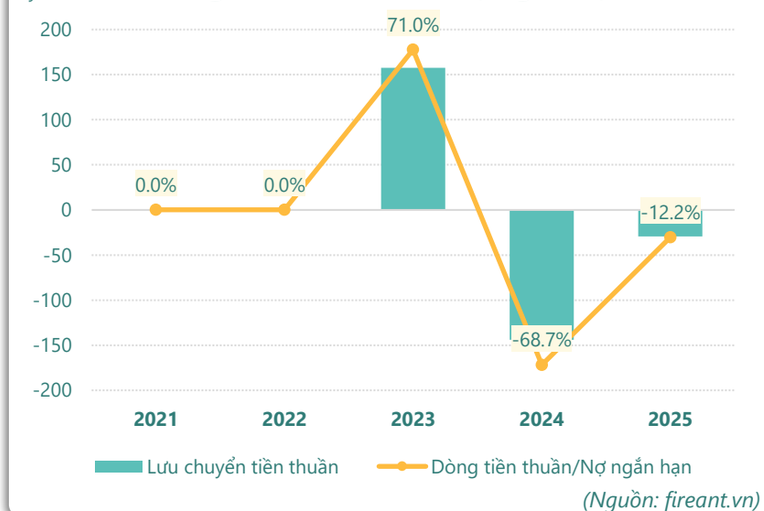
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**302**	**255**	**18.3%**	**1,135**	**1,158**	**-1.9%**
Giá vốn hàng bán	219	191	14.5%	861	885	-2.8%
Lợi nhuận gộp	83.0	64.5	28.7%	275	272	0.9%
Doanh thu HĐTC	3.80	5.45	-30.2%	18.9	21.1	-10.1%
Chi phí TC	4.45	4.64	-4.2%	17.5	19.4	-9.9%
Chi phí lãi vay	4.13	4.64	-11.0%	17.1	18.3	-6.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.69	4.75	-1.3%	16.5	19.6	-15.4%
Chi phí QLDN	**24.5**	**26.6**	**-7.9%**	**81.9**	**90.7**	**-9.7%**
LN thuần từ HĐKD	53.2	33.9	56.9%	178	164	8.5%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.87**	**-96.5%**	**0.89**	**-0.57**	**257%**
LN trước thuế	53.2	34.8	52.9%	179	163	9.5%
Lợi nhuận sau thuế	**42.3**	**27.5**	**53.8%**	**143**	**128**	**11.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.3**	**27.5**	**53.8%**	**143**	**128**	**11.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.4	1.12	30.1	61.5	58.5	33.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.4	-131	14.5	18.7	-177	0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.33	-28.4	0.44	0.22	-62.4	-7.51
Tiền đầu kỳ	174	251	93.7	139	219	38.1
Lưu chuyển tiền thuần	**78.1**	**-158**	**45.0**	**80.4**	**-181**	**26.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.71	0.69	0.07	0.21	-0.25	-0.07
Tiền cuối kỳ	251	93.7	139	219	38.1	64.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,399**	**1,324**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	604	644	-6.1%
Tiền và tương đương tiền	64.3	93.7	-31.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	275	268	2.5%
Phải thu ngắn hạn	238	242	-1.6%
Hàng tồn kho	21.4	23.2	-7.9%
Tài sản ngắn hạn khác	6.25	17.2	-63.7%
Tài sản dài hạn	**795**	**680**	**16.8%**
Phải thu dài hạn	0.00	7.35	-100.0%
Tài sản cố định	635	605	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	110	40.2	175%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**30.9**	**10.1**	**206%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	465	444	4.8%
Nợ ngắn hạn	**242**	**209**	**15.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.5	93.0	0.6%
Nợ dài hạn	224	235	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	222	235	-5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**934**	**880**	**6.1%**
Vốn chủ sở hữu	**934**	**880**	**6.1%**
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)